

SINH KẾ CỦA NGƯỜI NGHÈO VÀ NGƯỜI KHMER TỈNH TRÀ VINH TRONG BỐI CẢNH BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

● ĐỖ THỊ NGÂN

TÓM TẮT:

Biến đổi khí hậu (BĐKH) đã và đang diễn ra gay gắt tại vùng đồng bằng sông Cửu Long, trong đó có tỉnh Trà Vinh. Nhóm người nghèo và nhóm người Khmer là 2 nhóm người dễ bị tổn thương nhất, trước những tác động của BĐKH. Trên cơ sở phân tích tài liệu thứ cấp và khảo sát định tính, nghiên cứu cho thấy 3 nguồn lực sinh kế của 2 nhóm này còn hạn chế: vốn tự nhiên không còn là lợi thế của địa bàn nghiên cứu; vốn con người là nguồn lực hạn chế nhất vì các hộ gia đình có tỷ lệ phụ thuộc cao, thiếu lực lượng lao động cho các hoạt động kinh tế xã hội và lối sống còn biến chuyển chậm so với sự thay đổi của khí hậu; vốn thông tin bước đầu đã giúp người dân thích ứng với BĐKH. Từ đó, bài viết đưa ra một số kiến nghị về chính sách nhằm phát triển bền vững sinh kế cho nhóm người nghèo và người Khmer tại tỉnh Trà Vinh.

Từ khóa: biến đổi khí hậu, người nghèo, người Khmer, sinh kế, tỉnh Trà Vinh.

1. Đặt vấn đề

Trà Vinh là một trong những tỉnh bị ảnh hưởng nặng nề bởi BĐKH. Phần lớn diện tích đất tỉnh Trà Vinh bị ảnh hưởng bởi xâm nhập mặn, cuối nguồn nước ngọt, cơ cấu kinh tế nội ngành chuyển dịch chậm, thực hiện tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp còn chậm, thị trường tiêu thụ các mặt hàng nông sản luôn gặp khó khăn và giá bán ở mức thấp; ngân sách của tỉnh còn nhiều khó khăn nên nguồn lực cho đầu tư phát triển sản xuất, đặc biệt là thực hiện tái cơ cấu ngành Nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới chưa mang lại kết quả cao. Việc thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn thấp do vị trí địa lý không thuận lợi; hệ thống cơ sở hạ tầng về điện, đường chưa đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển (UBND tỉnh Trà Vinh, 2018).

Giá trị tổng sản phẩm trên địa bàn bình quân đầu người (GRDP/người) trong giai đoạn 2011-2016 có xu hướng tăng, năm 2016 cao gấp 2,29 lần năm 2010, đạt khoảng 34,43 triệu đồng/người. Nhưng so với GRDP của cả nước và vùng đồng bằng sông Cửu Long thì GRDP của Trà Vinh đang ở mức tương đối thấp (GRDP của vùng đồng bằng sông Cửu Long là 39,45 triệu đồng/người và của cả nước là 48,58 triệu đồng/người). Khoảng cách của nhóm thu nhập thấp nhất và nhóm cao nhất (theo ngũ vị phân) đang có xu hướng ngày càng tách biệt rộng ra. Nếu năm 2010 khoảng cách chỉ vào khoảng 7,7 lần thì đến năm 2016 khoảng cách này đã vào khoảng 8,4 lần (UBND tỉnh Trà Vinh, 2018). Có thể thấy, mức sống của người dân tỉnh Trà Vinh có được cải thiện, song nguồn lực để có thể phát triển sinh kế tốt hơn vô cùng hạn chế.

Mặc dù đạt được nhiều thành tựu trong lĩnh vực giảm nghèo, song tỷ lệ hộ nghèo của Trà Vinh vẫn ở mức cao so với vùng đồng bằng sông Cửu Long và cả nước. Năm 2018, số hộ nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều là 5,95%, số hộ cận nghèo là 8,36, trong khi đó vùng đồng bằng sông Cửu Long là 4,28% và 5,3%; tỷ lệ của cả nước là 5,23% và 4,95% (MOLISA, 2019). Trà Vinh cũng là tỉnh có tỷ lệ số xã đặc biệt khó khăn cao, với 31/85 xã, chiếm 36% tổng số xã của tỉnh, trong đó có 7 xã đặc biệt khó khăn thuộc vùng bãi ngang ven biển và 24 xã thuộc Chương trình 135. Bên cạnh đó, Trà Vinh là một tỉnh có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số (chiếm 31% tổng dân số của tỉnh, trong đó phần lớn là người Khmer - 29,0%, còn lại là dân tộc Hoa, Ấn), phân bố ở 64/85 xã của Tỉnh. Cho nên, các chính sách phát triển kinh tế cho nhóm người nghèo và người dân tộc thiểu số vẫn là một trong những chính sách cần được ưu tiên tại Trà Vinh trong bối cảnh BDKH.

2. Phương pháp nghiên cứu

Phân tích tài liệu thứ cấp: các nguồn thông tin thứ cấp liên quan đến bài viết gồm các số liệu điều tra khảo sát quốc gia như Tổng điều tra dân số và nhà ở, Điều tra nông lâm nghiệp, thủy sản, niên giám thống kê qua các năm của tỉnh Trà Vinh,...;

báo cáo tổng kết của các bộ/ban/ngành và địa phương về kinh tế, xã hội và môi trường; các báo cáo đánh giá tác động của BDKH đến sinh kế của người dân khu vực ven biển.

Khảo sát định tính: tác giả đã phỏng vấn sâu 9 trường hợp là cán bộ các cấp tại địa bàn nghiên cứu, bao gồm đại diện các tổ chức chính trị/xã hội và các nhà quản lý có liên quan đến BDKH và sinh kế của nhóm người nghèo. Bên cạnh đó, tác giả tiến hành 3 thảo luận nhóm người dân tại địa bàn 3 huyện Cầu Kè, Cầu Ngang và Trà Cú của tỉnh Trà Vinh.

3. Sinh kế của nhóm người nghèo trong bối cảnh BDKH

3.1. Các nguồn lực sinh kế của nhóm người nghèo tỉnh Trà Vinh

Theo DFID (1998), có 5 loại nguồn vốn ảnh hưởng đến phát triển sinh kế của người dân, đó là: vốn tự nhiên, vốn vật chất, vốn tài chính, vốn xã hội và vốn con người. Một số nghiên cứu đề xuất thêm vốn thông tin và vốn văn hóa. Trong phạm vi của bài viết, tác giả sẽ phân tích sâu vào 3 nguồn vốn: vốn tự nhiên, vốn con người và vốn thông tin. Nhìn chung, các nguồn lực sinh kế của 2 nhóm người nghèo và nhóm người dân tộc thiểu số khá hạn chế, nhất là về nguồn vốn con người, thiếu đất sản xuất và tỷ lệ đi làm thuê theo thời vụ cao (Hộp 1).

Hộp 1. Tổng hợp sinh kế của người dân tại tỉnh Trà Vinh

N1: Cô tên Dấn, 63 tuổi, hiện tại nhà có 6 người: gồm nhỏ út, chồng, 2 cháu và 2 vợ chồng cô. Ở nhà nuôi heo, vịt, gà. Con gái và con rể đi làm ở Đồng Nai, còn 2 con nhỏ ở với tôi. Hàng tháng, vợ chồng hai con cũng gửi được 3 triệu.
N2: Cô 43 tuổi, nhà có 4 người, 2 vợ chồng và 2 đứa con, 1 đứa 21 tuổi, 1 đứa 18 tuổi mới học xong cấp 3. Giờ đang thất nghiệp ở nhà vì đi làm ở Sài Gòn nhưng chủ nó không có việc nên cho nghỉ ở nhà. Gia đình Cô cũng chăn nuôi bò, gà vịt. Ông xã đi vất lúa thuê mỗi ngày. Cô nuôi có 1 con bò cái thôi, gà nuôi vậy thôi chứ không có nuôi nhiều, khoảng 100 con thôi.
N3: Nhà mình có 7 người, hiện tại đi vất lúa thuê theo mùa và nuôi vịt. Con trai cũng ở nhà đi vất lúa theo ba, con gái thì ở nhà.
N4: Cô năm nay 50 tuổi, nhà có 5 người. 2 con đi làm công ty Nhật Tân, nuôi 1 bò, vịt có 10 con. Có nhà và vườn chứ không có ruộng.
N5: Trần Thị D, sinh năm 1951 (60 tuổi), hàng ngày làm công việc nuôi 4 đứa cháu, công việc của các con đi làm bắp bênh, cũng thất nghiệp, đi làm tư thuê nấu cơm cho người ta. Hàng ngày đưa cháu đi học. Nhà có 5 đứa cháu và 4 đứa con. Chồng đã mất rồi. Trước chúng nó đi làm có tiền thì tuần gửi về 1,5 triệu nhưng bây giờ không có việc thì tháng may ra được 1,5 đến 2 triệu. 4 bạn bé của 3 đứa con, mỗi đứa gửi 1 đứa.
N6: Sinh năm 1963, 58 tuổi, nhà cô có mình cô thôi 3 đứa con trai đi làm, lập gia đình hết rồi, nhưng đi ở rảnh hết luôn. Cô ở nhà trồng rẫy, trồng rau cải để lấy thu nhập thôi.

(Thảo luận nhóm Khmer nữ, xã Phong Thạnh, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh).

3.1.1. Vốn tự nhiên

Trà Vinh là tỉnh duyên hải đồng bằng sông Cửu Long, diện tích tự nhiên 2.292 km² với dân số khoảng 1,1 triệu người, bao gồm 1 thành phố trực thuộc tỉnh và 7 huyện, phía Đông giáp Biển Đông, phía Tây giáp Vĩnh Long, phía Nam giáp Sóc Trăng, phía Bắc giáp tỉnh Bến Tre. Được bao bọc bởi sông Tiền, sông Hậu với 2 cửa Cung Hầu và Định An nên giao thông đường thủy có điều kiện phát triển. Trà Vinh nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa ven biển, khí hậu chia thành 2 mùa rõ rệt là mùa mưa và mùa khô. Nhiệt độ trung bình năm 26-27°C, số giờ nắng trung bình là 2.556 giờ/năm, lượng mưa hàng năm vào khoảng 1.520 mm, độ ẩm trung bình năm là 84%. Nhìn chung, khí hậu Trà Vinh mang đặc điểm nhiệt đới gió mùa với nền nhiệt cao, ổn định, nắng và bức xạ mặt trời thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, yếu tố hạn chế của khí hậu là lượng mưa ít, lại tập trung theo mùa kết hợp với địa hình thấp, chịu ảnh hưởng của gió chướng, thủy triều cao, gây ngập úng và hạn hán cục bộ, ít nhiều ảnh hưởng đến đời sống và sản xuất của người dân.

3.1.2. Vốn con người

Các chỉ số về nguồn lực con người của nhóm dân tộc thiểu số thấp hơn các chỉ số chung của tỉnh. Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo của nhóm dân tộc thiểu số năm 2020 là 37%, tỷ lệ học sinh đỗ vào các trường đại học/cao đẳng là 0% (mục tiêu của Ban Dân tộc đề ra là có 300 sinh viên/10.000 dân) (UBND tỉnh Trà Vinh, 2020). Sinh kế của người Khmer tỉnh Trà Vinh chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp, nghề thủ công truyền thống, một bộ phận làm kinh doanh, dịch vụ, mua bán nhỏ, công nhân lao động ở các công ty, xí nghiệp trong và ngoài tỉnh. Người Khmer tỉnh Trà Vinh là nhóm có hệ ngôn ngữ, chữ viết và phong tục tập quán riêng.

Theo kết quả điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số cho thấy nguồn vốn con người của người Khmer khá yếu so với cộng đồng người dân tộc thiểu số nói chung. Cụ thể: tỷ lệ người Khmer từ 15 tuổi trở lên phân theo trình độ giáo dục cao nhất thì tỷ lệ người Khmer có trình độ dưới tiểu học là 35,1%, tiểu học là 35,9%, trung học cơ sở là 19,4% và trung học phổ thông là 5,6% (tỷ lệ chung của nhóm người dân tộc thiểu số lần lượt là

25,6%, 26,1%, 28,1% và 11,1%) (Ủy ban Dân tộc & TCTK, 2020).

Di cư là chiến lược sinh kế của những người dễ bị tổn thương như là một chiến lược thích nghi với BĐKH. Thiếu hụt nguồn lực lao động trong phát triển các ngành kinh tế mũi nhọn đang là một thách thức lớn của vùng ĐBSCL ảnh hưởng đến khả năng xây dựng các sinh kế của vùng do thiếu nguồn vốn lao động tại chỗ, cũng như xáo trộn về lao động. Việc lựa chọn phương thức sản xuất hoặc phát triển cơ cấu cây trồng vật nuôi của các hộ gia đình phải dựa trên nguồn lao động tại chỗ. Sự thiếu hụt về nguồn nhân lực đang gây ra những khó khăn nhất định trong việc triển khai các mô hình sản xuất mới, thích ứng với BĐKH (Hộp 2)

3.1.3. Vốn thông tin

Vốn thông tin đóng vai trò quan trọng trong phát triển sinh kế của hộ gia đình. Thông qua việc tiếp cận thông tin sớm và chính xác, người dân sẽ thuận lợi hơn trong việc ra quyết định mùa vụ, đầu tư cây con giống và chuyển dịch cơ cấu sinh kế. Bên cạnh đó, BĐKH đã và đang có những tác động tiêu cực đến năng suất, chất lượng của hoạt động sản xuất nông nghiệp, do vậy người dân được thông tin sớm sẽ hạn chế được các thiệt hại do BĐKH gây ra (Hộp 3).

3.2. Ảnh hưởng của BĐKH đến đời sống và sản xuất của người dân

Toàn tỉnh có hệ thống sông phong phú với chiều dài 578 km, trong đó có các sông lớn là sông Hậu, sông Cổ Chiên và sông Măng Thít cung cấp phù sa và nguồn tài nguyên nước phong phú cho tỉnh. Song, tỉnh Trà Vinh lại bị ảnh hưởng mạnh bởi thủy triều biển Đông qua sông Cổ Chiên và sông Hậu nên khi bị tác động của nước biển dâng sẽ làm cho dòng chảy trên các kênh rạch biến động theo hướng bất lợi, tài nguyên nước có nguy cơ suy giảm do hạn hán ngày một tăng ở một số vùng có địa hình cao, trong khi một số vùng có địa hình thấp lại thường xuyên bị ngập úng khi bị tác động của mưa và thủy triều. Khó khăn này sẽ ảnh hưởng đến nông nghiệp, cung cấp nước ở nông thôn, thành thị, đặc biệt là các vùng nhạy cảm ven biển như huyện Duyên Hải, Trà Cú, Châu Thành và Cầu Ngang.

BĐKH cùng với nước biển dâng sẽ làm cho việc cung cấp nước ngọt trở nên khó khăn. Các nguồn

Hộp 2. Ảnh hưởng của nguồn nhân lực đến lựa chọn phương thức sản xuất của người dân

Đúng về góc độ 1 người dân, anh cũng dân dưới quê nên anh tiếp cận người dân bảo sao giờ trong điều kiện làm bắp bênh, khó khăn vậy sao không chuyển đổi, dân người ta cũng khó tiếp cận một sự chuyển đổi mới thay vì ưu tiên cho phương thức truyền thống. Mà anh nghĩ đến mức nào đó không thể thì buộc lòng người ta mới chuyển. Còn bây giờ mình tác động, ông làm thế nào mà thay đổi có hiệu quả, người dân mắt thấy tai nghe thì người ta mới tin và làm theo. Trước, mỗi 1 hộ khẩu 6-8 người, giờ mỗi hộ khẩu còn 3-4 người mà chủ yếu là người già và trẻ em, còn lại đi thành thị, đi đến các tỉnh có công nghiệp nên lực lượng lao động ở địa phương cũng hạn chế. Em muốn làm theo cái gì mà phụ thuộc vào nhân công lao động thì chi phí thuê nhân công lao động ở địa phương giờ mắc lắm nên vậy thôi cứ để theo truyền thống để giảm công lao động, giảm sự chăm sóc đi. Nói về Trà Vinh thì BĐKH chưa có gì ảnh hưởng lớn lắm, tại người ta nghĩ rằng người ở dưới quê không canh tác được, người ta bỏ ruộng rồi người ta sống bằng những đồng tiền của người con, cháu làm ăn xa gửi về, thấy những thiệt hại thấy có ảnh hưởng, còn vấn đề mức độ lo lắng của người dân có lo lắng nhưng mức độ chưa lớn lắm đâu. Còn bây giờ khuyến khích người dân trồng cây họ cà thay đổi để thích ứng với BĐKH, giảm rủi ro, mang lại giá trị sản phẩm tốt hơn, thu nhập hơn, tới giờ một số hộ vẫn bảo thủ theo truyền thống, người ta không tiếp cận.

(Phỏng vấn cán bộ Văn phòng BĐKH, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh).

Hộp 3. Vai trò của các trạm quan trắc môi trường và thiết bị đo độ mặn

Về bài học thực ra là cũng đỡ hơn rồi đó em. Cái thứ nhất là, nếu mà so với năm 2016 thì năm 2019 mình thiệt hại ít hơn nhiều. Mình cũng đã có những quy trình hướng dẫn bà con cũng như theo dõi Dự án AMD đầu tư một số hệ thống quan trắc, và một số hệ thống quan trắc do tỉnh đầu tư thì thấy hệ thống quan trắc đã phủ gần như là khắp tỉnh nên khả năng dự đoán, dự báo tốt hơn để mình khuyến cáo cho bà con cũng như mình theo dõi được thì mình cũng sẽ dịch chuyển. Nếu khuyến cáo sớm, bà con cũng có cái nền kiến thức và tuân thủ tốt hơn.

... Qua một đợt mặn, rõ ràng thấy là làm tốt công tác dự báo thì tạo được lòng tin cho người dân hơn, cũng như làm tốt công tác tuyên truyền với người dân là người dân thấy được tác động là hiện nay có những cái thiên tai như vậy đó, có tình trạng hạn mặn như vậy đó, thì người dân cũng chủ động có biện pháp để ứng phó hơn, thiệt hại cũng ít hơn.

(Phỏng vấn cán bộ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Trà Vinh).

nước ngọt gồm có nước mặt và nước ngầm sẽ bị nhiễm mặn khi nước biển dâng sẽ ảnh hưởng đến hoạt động nông nghiệp, gây khó khăn nghiêm trọng cho cấp nước sinh hoạt và công nghiệp, buộc phải có giải pháp ứng phó, như: Quy hoạch nguồn cấp nước mới an toàn hơn hoặc áp dụng các công nghệ xử lý nước tiên tiến hơn và do đó đòi hỏi chi phí cao hơn. Vì vậy, suy thoái tài nguyên nước sẽ tác động đến cuộc sống người dân và phát triển kinh tế xã hội nói chung (Hộp 4).

4. Một số kiến nghị về giải pháp nhằm phát triển sinh kế bền vững cho nhóm người nghèo và nhóm người Khmer tỉnh Trà Vinh

4.1. Đối với Chính phủ

- Các chính sách về cơ sở hạ tầng, thông tin: Hỗ trợ kinh phí cho các tỉnh đầu tư xây dựng, nâng cấp

công trình thủy lợi (cống, đê bao ngăn mặn), nạo vét kênh, xây dựng các hồ/ao chứa nước để chứa nước nhiều hơn; Cung cấp các thiết bị trữ nước và /hoặc các thiết bị lọc nước cho các hộ gia đình để bị tổn thương; Đầu tư lắp đặt các trạm đo mực nước, đo mặn; Nâng cao hiệu quả công tác cảnh báo, dự báo tình hình nguồn nước, xâm nhập mặn

- Tăng cường các chính sách hỗ trợ phát triển sinh kế cho người dân, nhất là các nhóm dễ bị tổn thương: Cung cấp đầu vào nông nghiệp (Giống năng suất cao, phân bón, gia súc, gia cầm và thức ăn chăn nuôi) cho nông dân để khôi phục sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là các hộ nghèo và hộ dễ bị tổn thương; Hỗ trợ tài chính cho các hộ nghèo để khôi phục sinh kế; Có chính sách hỗ trợ người dân tiếp cận vay vốn với lãi suất ưu đãi, thời gian vay

Hộp 4. Biểu hiện của BĐKH tại Trà Vinh

Trên địa bàn tỉnh yếu tố quan trọng nhất là nguy cơ về xâm nhập mặn. Cái thứ 2 là thiếu nước ngọt. Thiếu nước ngọt có 2 nguyên nhân là xâm nhập mặn và hạn chế về nguồn nước từ thượng nguồn đổ về. Vấn đề thứ 3 cũng quan trọng là sạt lở ở các khu vực cửa sông ven biển. Thứ 4 là thời tiết thất thường, không mưa thuận gió hòa như trước đây. Cái này cũng có tác động ảnh hưởng là do yếu tố về tự nhiên và do một số nguyên nhân từ con người dẫn đến vấn đề mất đi sự điều tiết tự nhiên trong hệ sinh thái tự nhiên. Cái này có lợi trong việc mình xây dựng hệ thống đê, giúp cho việc bảo vệ nước ngọt phía trong để phục vụ cho quá trình sản xuất. Tuy nhiên, trong bối cảnh BĐKH thì sự can thiệp quá của con người dẫn đến mình không thể ngăn cản được, về lâu dài cũng là nguy cơ. Còn về các kịch bản thì từ kịch bản của Bộ Tài nguyên và Môi trường, tỉnh cũng xây dựng kịch bản của tỉnh. Những kịch bản đó cũng được triển khai đến tất cả các ngành để thông qua đó lồng ghép với BĐKH để xây dựng các công trình, dự án có tính đến yếu tố BĐKH dùng cho các công trình lâu dài. Còn các vấn đề khác do BĐKH gây ra như thiên tai, dịch bệnh, cái này về mặt lý thuyết thôi còn trong thực tế tỉnh cũng có dịch bệnh xảy ra, không biết là do yếu tố về sự thay đổi thời tiết hay tiềm ẩn nguy cơ về BĐKH hay không.

(Phỏng vấn cán bộ Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh).

được dài và giới hạn mức cho vay đủ lớn để đảm bảo đầu tư sản xuất; Có chính sách hỗ trợ đầu ra cho nông nghiệp, tiếp cận thị trường.

4.2. Đối với tỉnh Trà Vinh

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân về hạn hán, xâm nhập mặn thông qua các buổi tập huấn, pano.

- Điều chỉnh lịch thời vụ phù hợp với dự báo tình hình nguồn nước, xâm nhập mặn hàng năm; Khuyến cáo người dân không sản xuất ở những khu vực có nguy cơ thiếu nước tưới để tránh bị thiệt hại. Thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi thích ứng với từng địa phương. Thúc đẩy việc sử

dụng các giống cây trồng năng suất cao chịu được hạn, mặn và ngập nước. Áp dụng các biện pháp tiết kiệm nước trong sản xuất nông nghiệp (Tưới tiên tiến, tiết kiệm nước; tủ gốc, che phủ giảm bốc thoát hơi nước,...)

- Đầu tư xây dựng, nâng cấp công trình thủy lợi (Cống, đê bao ngăn mặn), nạo vét kênh, xây dựng các hồ/ao chứa nước để chứa nước nhiều hơn.

- Cung cấp đào tạo nghề cho những người bị ảnh hưởng để họ có thêm việc làm trong giai đoạn hạn, mặn xảy ra.

- Tăng cường vai trò của các tổ chức chính trị xã hội và các doanh nghiệp và hợp tác xã ■

Kết quả nghiên cứu là sản phẩm của Đề tài cấp cơ sở năm 2021 “Phát triển sinh kế bền vững cho người nghèo ven biển trong bối cảnh biến đổi khí hậu: Trường hợp tỉnh Trà Vinh, do ThS. Đỗ Thị Ngân làm chủ nhiệm Đề tài.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (2019). *Quyết định số 1052/QĐ-LĐTBXH về việc Công bố kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2018 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2021.*
2. Cục Kinh tế Hợp tác và Phát triển nông thôn (2019). Số liệu thống kê. Truy cập tại <http://dcrd.gov.vn/co-so-du-lieu.html?thoigian=201912&bieumau=bieu1b>
3. Ủy ban Dân tộc và Tổng cục Thống kê (2020). *Báo cáo Kết quả điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2019.*
4. Ủy ban Nhân dân tỉnh Trà Vinh (2020a), *Báo cáo Tổng kết Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020. Báo cáo số 359/BC-UBND tỉnh Trà Vinh, ngày 08/12/2020.*

5. Ủy ban Nhân dân tỉnh Trà Vinh (2020b), *Báo cáo số 372/BC-UBND ngày 14/12/2020 về tình hình thực hiện Nghị quyết HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020; kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 05 năm 2021-2025*.

Ngày nhận bài: 8/9/2021

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 8/10/2021

Ngày chấp nhận đăng bài: 18/10/2021

Thông tin tác giả:

ThS. ĐỖ THỊ NGÂN

Viện Nghiên cứu phát triển bền vững Vùng

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

LIVELIHOODS OF THE POOR AND THE KHMER COMMUNITY IN TRA VINH PROVINCE IN THE CONTEXT OF CLIMATE CHANGE

● **Master. DO THI NGAN**

Institute of Regional Sustainable Development

Vietnam Academy of Social Science

ABSTRACT:

Climate change has increasingly impacted the Mekong Delta including Tra Vinh Province. Poor people and Khmer people are the most vulnerable groups to climate change. By analyzing secondary documents and qualitative surveys, this study finds out that three livelihoods resources of these two groups are quite limited. The natural capital is no longer an advantage of these two groups in Tra Vinh Province. The human capital is the most limited resource because studied households have a high dependency ratio and these two groups have experienced the lack of human resources for socio-economic activities. The adaptability of these two groups lifestyle to climate change is quite low. Meanwhile, the information capital has initially helped people adapt to climate change. Based on these results, this paper makes some policy recommendations to sustainably improve livelihoods for the poor and the Khmer community in Tra Vinh province.

Keywords: climate change, the poor, Khmer people, livelihoods, Tra Vinh Province.